

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/01/2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Lan

2. Ông Trần Minh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 401/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/8/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Toại N, sinh năm 1986.

Nơi ĐKTT: ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số C, Trại giam X - Cục C - Bộ C1.

(Chị T, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Toại N tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai, đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do anh **N** nghiện ma túy và bị đưa đi cai nghiện bắt buộc 03 lần nên không chăm lo cho gia đình vợ con. Năm 2021 anh **N** bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt 20 năm tù. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **N**.

Về con chung: Chị và anh **N** có 03 người con chung là **Nguyễn Dương An K**, sinh ngày 22/5/2011, **Nguyễn Hải A**, sinh ngày 18/01/2013 và **Nguyễn Dương S**, sinh ngày 19/6/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu **K**, **A** và **S**, chị không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh **N** thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, chị không có yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Toại N trình bày:**

Anh thống nhất với trình bày của chị **T** về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Chị **T** yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, nếu chị **T** cương quyết ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao các cháu **Nguyễn Dương An K**, **Nguyễn Hải A**, **Nguyễn Dương S** cho bà nội là **Phạm Thị Thanh T1** trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị **T** không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự từ khi thụ lý cho đến nay đều đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **Dương Thị T** ly hôn với anh **Nguyễn Toại N**.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T**, giao cháu **Nguyễn Dương An K**, **Nguyễn Hải A**, **Nguyễn Dương S** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Chị **T** không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T**, anh **N** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Dương Thị T** và anh **Nguyễn Toại N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Dương Thị T** và anh **Nguyễn Toại N** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai** nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa chị **T** và anh **N** xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **N** nghiện ma túy và đã 03 lần bị đưa đi cai nghiện, đến năm 2021 anh **N** bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt 20 năm tù, do đó anh **N** không có điều kiện chăm lo cho gia đình, vợ con. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị **T** anh **N** đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Dương Thị T** với anh **Nguyễn Toại N** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị **Dương Thị T** và anh **Nguyễn Toại N** có 03 người con chung là **Nguyễn Dương An K**, sinh ngày 22/5/2011, **Nguyễn Hải A**, sinh ngày 18/01/2013 và **Nguyễn Dương S**, sinh ngày 19/6/2014. Khi ly hôn chị **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **K**, cháu **A** và cháu **S**. Các cháu **K**, cháu **A** và cháu **S** đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh **N** đề nghị giao các cháu **K**, cháu **A** và cháu **S** cho bà nội nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay anh **N** đang chấp hành án phạt tù và đề nghị của anh **N** không phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, giao cháu **Nguyễn Dương An K**, **Nguyễn Hải A**, **Nguyễn Dương S** cho chị **Dương Thị T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Dương Thị T** không yêu cầu anh **Nguyễn Toại N** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Chị **Dương Thị T** và anh **Nguyễn Toại N** trình bày không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị **Dương Thị T** là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Dương Thị T** ly hôn với anh **Nguyễn Toại N**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Dương An K**, sinh ngày 22/5/2011, **Nguyễn Hải A**, sinh ngày 18/01/2013 và **Nguyễn Dương S**, sinh ngày 19/6/2014 cho chị **Dương Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Dương Thị T** không yêu cầu anh **Nguyễn Toại N** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh **Nguyễn Toại N** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Khi cần thiết chị **Dương Thị T** và anh **Nguyễn Toại N** được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị **Dương Thị T** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị **T** đã nộp theo biên lai số 0000288 ngày 09/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị **Dương Thị T** đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- THADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND xã Sông Ray (99/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn